**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Năm 2020)***

**I. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trường DFVN – CAF**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 26,87% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

**Chiến lược đầu tư:**

Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh;
* có tình trạng tài chính lành mạnh;
* có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt; và
* có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
* cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết phải đáp ứng các yêu cầu sau:
* có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và
* có tài liệu chứng minh việc tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời gian mười hai tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.
* chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; và
* quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**Cơ cấu đầu tư:**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)** |
| Cổ phiếu | 50% – 100% |
| Tiền gửi ngắn hạn (\*) | 0 – 49% |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba tháng, Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp và trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 34/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2019.

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 8.125.094,24 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 81.250.942.400 VND.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn, do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính được kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Quỹ sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn và với các điều kiện sau đây:

a) Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.

b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.

c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

d) Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ.

e) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập đầy đủ các qũy theo quy định tại Điều lệ Quỹ và ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản Quỹ** | **31/12/2020**  **(%)** | **31/12/2019**  **(%)** |
| 1. Danh mục chứng khoán | 96,17 | 91,41 |
| 2. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 2,99 | 8,17 |
| 3. Các khoản phải thu | 0,84 | 0,42 |
| **Cộng** | 100,00 | 100,00 |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2020** | **31/12/2019** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 102.601.036.261 | 80.870.153.926 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 8.125.094,24 | 7.747.580,49 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ) | 12.627,67 | 10.438,11 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 12.627,67 | 11.121,66 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 7.497,48 | 9.991,19 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 20,98% | 4,38% |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 17,11% | 2,90% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 0,38% | (0,44)% |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3,42% | 3,47% |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 180,62% | 192,25% |

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 20,98% | 20,98% |
| - 3 năm | Không áp dụng | Không áp dụng |
| - Từ khi thành lập | 26,28% | Không áp dụng |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/12/2020**  **(%)** | **31/12/2019**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng NAV (%)/1 đơn vị CCQ | 20,98% | Không áp dụng |

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn giữ được kiểm soát khá tốt mặc dù bị ảnh hưởng mạnh do dịch bệnh. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) lấy lại đà tăng trưởng khá 4,48% trong quý IV và đạt mức 2,91% cả năm 2020 sau khi tăng trưởng mạnh trong năm 2019 với mức tăng ấn tượng 7,02%, đây là mức tăng thấp nhất nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Mặc dù trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây có thể xem là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng dương năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện: Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019).

Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; 6,08 năm 2019; ước tính đạt 6,07. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực nên ICOR năm 2020 đạt 14,28; bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04 (theo Tổng cục Thống kê Việt Nam).

Trong bức tranh vĩ mô của Việt Nam năm 2020, chỉ số tăng trưởng xuất nhập khẩu là điểm sáng trong bối cảnh nhiều khó khăn, với mức tăng 5,1% so với năm trước (ước tính đạt 543.9 tỷ USD). Cán cân thương mại hàng hóa đạt mức xuất siêu kỷ lục 19,1 tỷ USD trong năm 2020. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tiếp tục hồi phục sau dịch bệnh và duy trì trên mức 50 trong các tháng cuối năm 2020 (đạt 51,7 trong tháng 12) tuy có lúc về mức thấp kỷ lục 32,7 trong tháng 4. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) có sự suy giảm nhẹ, giải ngân đạt 20 tỷ USD năm 2020 giảm 2% so với năm 2019; trong khi đó, tình hình lạm phát (CPI bình quân) năm 2020 là 3,23%, tuy nhiên CPI tháng 12 so với cùng kỳ 2019 tăng 0,19%, đây là mức tăng CPI thấp nhất trong nhiều năm qua. Tỷ giá được Chính Phủ điều hành linh động nhằm ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế. Dự trữ ngoại hối ước đạt 100 tỷ USD đến hết năm 2020.

Trong năm 2020, mặc dù chịu tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, TTCK Việt Nam đã phục hồi bền vững và tăng trưởng ngoạn mục trên hầu hết tất cả các khía cạnh của thị trường vào giai đoạn cuối năm 2020. Chỉ số VN Index đạt 1.103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng gần 15% so với thời điểm cuối năm 2019. Thanh khoản của thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.400 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019.

Quy mô thị trường cổ phiếu vượt mục tiêu Chính phủ đề ra cho đến năm 2020 và thị trường trái phiếu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối Quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra. Thị trường trái phiếu có 477 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.388 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cuối năm 2019 (tương đương 23% GDP). Bên cạnh đó, thị trường vẫn tiếp tục chờ đón những sự kiện mang tính xúc tác giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn, như việc nâng hạng TTCK từ Cận biên lên Mới nổi theo phân hạng của MSCI và/hoặc FTSE Russell. Kết quả là FTSE Russell tiếp tục duy trì Việt Nam trong danh sách chờ xét nâng hạng (Watch list) từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Một sự kiện mang tính cơ cấu phát triển lâu dài cho thị trường chứng khoán là Luật chứng khoán mới hiệu lực từ đầu năm 2021. Như vậy, với điểm tựa ổn định vĩ mô, cùng với bàn đạp là sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán sẽ tạo nền tảng bền vững và triển vọng tốt cho hoạt động của Quỹ.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (\*) | 0,38% | Không áp dụng | (0,17%) |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (\*) | 17,11% | Không áp dụng | 20,59% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (\*) | 20,98% | Không áp dụng | 26,28% |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | 20,98% | Không áp dụng | Không có |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không có |

(\*) Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo: Tỷ lệ tăng trưởng so với mệnh giá chứng chỉ Quỹ phát hành lần đầu (mệnh giá mỗi chứng chỉ Quỹ là 10.000 VND).

(\*\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*\*) Chứng chỉ Quỹ không có giá thị trường

● Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2020** | **31/12/2019** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 102.601.036.261 | 80.870.153.926 | 26,87% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 12.627,67 | 10.438,11 | 20,98% |

*Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng do thị trường chứng khoán tăng điểm.*

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 299 | 319,714.50 | 3.93% |
| Từ 5000 - 10.000 | 26 | 182,506.15 | 2.32% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 18 | 382,145.49 | 4.70% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 2 | 240,728.10 | 2.89% |
| Trên 500.000 | 1 | 7,000,000.00 | 86.15% |
| **Tổng cộng** | **346** | **8,125,094.24** | **100%** |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Năm 2020 thực sự là một năm nhiều cảm xúc với thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như với các nhà đầu tư tài chính. Năm 2020 bắt đầu khá suôn sẻ khi các nhóm cổ phiếu đồng loạt tăng trưởng trong tháng đầu năm. Tuy nhiên, dịch Covid -19 xuất hiện và bùng nổ sau Tết âm lịch đã làm thị trường đảo lộn. Làn sóng bán tháo cổ phiếu trên toàn cầu cũng như ở thị trường Việt Nam diễn ra, những phiên giao dịch với hàng chục mã bluechip giảm sàn diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên, từ mức đáy khoảng 660 điểm, VN-Index đã hồi phục mạnh mẽ sau hàng loạt thông tin tích cực về hồi phục kinh tế và kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam, cùng với các gói hỗ trợ tiền tệ cũng như chính sách từ Chính Phủ đã tạo đà cho tăng trưởng của thị trường, tiếp tục vượt qua sự sụt giảm tiếp theo từ làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 2 vào tháng 8. Mặc dù trong năm 2020 nhà đầu tư nước ngoài bán ròng hơn 36 ngàn tỷ đồng toàn thị trường nhưng dòng tiền từ khối nội ngược lại đã mua ròng tới hơn 65 ngàn tỷ đồng. Số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản và tiền mới đầu tư vào thị trường tăng mạnh trong quý 4 đã giúp thị trường tiến về mức kỷ lục 1200 điểm của năm 2018. Thống kê của GSO trong năm trong năm 2020 thị trường chứng khoán có thanh khoản bình quân hơn 7000 tỷ đồng/phiên, tăng 51,5% so với bình quân 2019. Chốt năm 2020 VN-Index đóng cửa 1.103,87 điểm, với mức tăng trưởng gần 15% so với cuối năm 2019 là mức cao so với các thị trường chứng khoán trong khu vực và thế giới trong năm 2020. Số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới tăng kỷ lục trong năm 2020 đạt 393.659 tài khoản, tăng 94% so với số lượng tài khoản mở mới trong năm 2019, khối ngoại mở mới 2.856 tài khoản. Như vậy, lũy kế tới hết tháng 12/2020, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019. Tổng mức huy động trên TTCK ước đạt 413.700 tỷ đồng, tăng 30% so với cuối năm 2019.

Một số điểm chính giúp củng cố xu hướng tăng điểm cho Thị trường Chứng khoán như sau:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP, tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá, tình hình thu hút FDI, chỉ số PMI... như đã phân tích ở trên. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ phát triển kinh tế mới.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu PER hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, ROA khá cao). Điều này đã được chứng minh một phần qua mức độ tăng trưởng mạnh mẽ của Thị trường Chứng khoán thể hiện qua các chỉ số như giá trị mua ròng mạnh mẽ của Nhà đầu tư nước ngoài vào cổ phiếu niêm yết.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước và việc niêm yết cổ phiếu của các ngân hàng trước năm 2020; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ tháng 01 năm 2021. Bên cạnh đó, những rủi ro tiềm ẩn cần lưu ý bao gồm căng thẳng thương mại Mỹ -Trung đang diễn ra phức tạp; nền kinh tế thế giới cùng chuỗi cung ứng toàn cầu đã bị tổn thương nặng nề sau một năm biến cố vì Covid-19; chính sách kinh tế và chính trị của Mỹ trong thời gian tới từ Tổng thống mới đắc cử Biden vẫn chưa được dự báo rõ ràng; mặc dù thế giới đã có vaccines Covid-19 tuy nhiên với những biến thể mới của virus, dịch bệnh có thể bùng phát trở lại bất kỳ lúc nào và có thể gây tác động tiêu cực đến thương mại cũng như dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam;

Dù vậy với các yếu tố cơ bản vĩ mô ổn định và việc kiểm soát tốt dịch bệnh trong thời gian qua giúp nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ hồi phục mạnh mẽ trở lại trong năm 2021. Kết hợp với các yếu tố tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam như phân tích ở trên có thể thấy thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian sắp tới vẫn tiếp tục có triển vọng tích cực, đóng vai trò là kênh huy động vốn cũng như kênh đầu tư quan trọng của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo.

**VI. Thông tin khác**

1. **Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ**

| **Tên** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc** |
| --- | --- | --- |
| Ông Trần Châu Danh | Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | **Trình độ chuyên môn**   * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Tp. HCM * Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Tp. HCM * Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Tp. HCM * Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst) * Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán (CMT) * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   **Kinh nghiệm làm việc**  Ông Danh có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường được thành lập.  Trước khi gia nhập Công ty, ông Danh đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.  Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (7) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Prudential). |
| Ổng Masafumi Takeshita | Phó Giám đốc Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | **Trình độ chuyên môn**   * Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản * CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ)   **Kinh nghiệm làm việc**  Ông Takeshita đã có khoảng mười một (11) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài.  Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông Takeshita đã có hơn bốn (4) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo.  Trước đó, ông Takeshita đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore. |
| Ông Đặng Vị Thanh | Thành viên Ban Giám đốc giữ chức vụ Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh | **Trình độ chuyên môn**   * Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Tp. HCM * Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Tp. HCM * Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ Fellowship, Life Management Institue (FLMI) * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   **Kinh nghiệm làm việc**  Ông Thanh đã có hơn mười sáu (16) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười một năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam.  Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông Thanh từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khối khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth).  Ông Thanh có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam. |
| Ông Đoàn Công Đạt | Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ | **Trình độ chuyên môn**   * Cử nhân Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế Tp. HCM; * Cử nhân Luật, Đại học Kinh tế - Luật Tp. HCM; * Cử nhân Anh ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM; * Chứng chỉ CIA (Certified Internal Auditor) của Hiệp hội Kiểm toán Nội bộ Hoa Kỳ.   **Kinh nghiệm làm việc**  Ông Đạt đã có hơn mười ba (13) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đương nhiệm các vị trí quản lý về pháp lý, tuân thủ và kiểm toán nội bộ.  Trước khi gia nhập Công ty, ông Đạt đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng bộ phận tuân thủ tại các công ty lớn như Herballife Việt Nam, Pfizer Việt Nam, Shell Việt Nam, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam và đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Manulife Việt Nam. |

1. **Nhân sự điều hành Quỹ**

| **Tên** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc** |
| --- | --- | --- |
| Ông Đặng Nguyễn Trường Tài | Phó Giám đốc Đầu tư | **Trình độ chuyên môn**   * Cử nhân Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh * Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada) * CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   **Kinh nghiệm làm việc**  Ông Tài có khoảng mười sáu (16) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười một (11) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. |
| Bà Trần Thị Anh Trâm | Trưởng phòng Cao cấp Nghiệp vụ | **Trình độ chuyên môn**   * Cử nhân Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh * Cử nhân Đại học Văn Lang, chuyên ngành Kế toán/Kiểm toán * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   **Kinh nghiệm làm việc**  Bà Trâm có hơn mười ba (13) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư, trong đó có hơn mười một (11) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các công ty: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. |

1. **Ban Đại diện Quỹ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc** |
| Ông Đỗ Hùng Việt | Chủ tịch | Ông Việt đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.  Ông Việt hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Chứng khoán Tp. HCM (“HSC”). Trước đó, ông Việt đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc HSC. Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Tp. HCM (HIFU) với vị trí Trưởng phòng ủy thác. |
| Ông Huỳnh Văn Dũng | Thành viên | Ông Dũng đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.  Ông Dũng hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.  Ông Dũng có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA), là thành viên Hội Kiểm toán viên Hành nghề Việt Nam (VACPA), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (VAA) và thành viên Hội Tư vấn Thuế Việt Nam (VTCA). |
| Ông Nguyễn Gia Huy Chương | Thành viên | Ông Chương đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập, và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (F&B), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.  Hiện tại, ông Chương đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (GV Lawyers), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng Sự (Phuoc & Partners). Ông Chương đã có hơn mười (10) năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners.  Ông Chương có bằng Thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế của Trường Luật Bristol Law School – Đại học UWE Bristol (Anh Quốc), Cử nhân Luật tại Đại học Luật Tp. HCM; là thành viên Đoàn Luật sư Tp. HCM và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á – Thái Bình Dương. |

*TP, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2021*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

**Trần Châu Danh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**